

## NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Võ Thy Trang \*

*Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên*

### TÓM TẮT

Trên quan điểm đánh giá phát triển bền vững các khu công nghiệp (KCN) và khảo sát mức độ phát triển bền vững của các doanh nghiệp trong KCN, bài viết này đề xuất áp dụng nhóm tiêu chí để đánh giá sự phát triển bền vững nội tại các KCN và tác động lan tỏa của KCN đến sự phát triển của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế của Tỉnh. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu liên quan đến việc tăng cường tính bền vững trong phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh Thái nguyên. Đây là những gợi ý để tham khảo cho các nhà quản lý trong hoạch định chính sách, qui hoạch phát triển và điều hành hoạt động các KCN. Tuy nhiên, một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu này cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn: qui trình đánh giá, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá và cụ thể hóa các phương pháp đánh giá phát triển bền vững các khu công nghiệp trong điều kiện của từng địa phương.

**Từ khóa:** *Phát triển bền vững, khu công nghiệp, phát triển bền vững khu công nghiệp, phát triển kinh tế bền vững, phát triển môi trường bền vững.*

Các KCN đóng vai trò quan trọng trong việc đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, sản xuất kinh doanh, là địa chỉ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước từ đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phát triển bền vững trên nền tảng tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường là đòi hỏi tất yếu trong quá trình phát triển. Bài viết này đề xuất hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển bền vững KCN, thực trạng phát triển các KCN và các giải pháp tăng cường tính bền vững trong phát triển bền vững các KCN trên địa bàn Tỉnh Thái nguyên.

### QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Phát triển bền vững khu công nghiệp không nằm ngoài mục tiêu của phát triển bền vững là phát triển hiệu quả về kinh tế; phát triển hài hòa về mặt xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động; khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường khu công nghiệp. Việc đánh giá phát triển bền vững KCN cần làm rõ các vấn đề sau:

*Thứ nhất*, trên góc độ quản lý nhà nước cũng như góc độ tiếp thị năng lực thu hút đầu tư của các KCN. Do quá trình hình thành và phát

triển các KCN chưa được lâu, mục tiêu chủ yếu tập trung vào việc thu hút vốn đầu tư, cơ chế chính sách và các định chế quản lý các KCN chưa nhất quán và thiếu đồng bộ, chưa có chuẩn qui định và chuẩn đánh giá về KCN, việc điều hành công tác quản lý KCN còn nhiều bất cập, các điều kiện hình thành các KCN là khác nhau nên chúng cũng có những thuận lợi và khó khăn khác nhau. Do đó, cần thiết phải phải đánh giá tính bền vững trong phát triển các khu công nghiệp thông qua việc xây dựng hệ thống đánh giá phát triển bền vững KCN Việt Nam để làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách và quản lý hoạt động của các KCN. Tuy nhiên, việc kiểm định sự thành công của KCN lại được thực hiện chủ yếu thông qua sự đánh giá trực tiếp các doanh nghiệp hoạt động trong KCN. Kết quả đánh giá các doanh nghiệp trong KCN theo một bộ tiêu chí thống nhất là một công cụ tham chiếu quan trọng về tính bền vững trong quá trình phát triển của KCN. [1]

*Thứ hai*, sự phát triển bền vững của một KCN không chỉ phản ánh thông qua những kết quả đạt được theo các tiêu chuẩn bền vững nội tại của KCN mà còn phải được thể hiện ở vai trò tạo ra các tác động lan tỏa tích cực đối với các các nhóm lợi ích liên quan (các doanh nghiệp đối tác, địa phương, khu vực có KCN). Tác động lan tỏa (hay hiệu ứng lan tỏa) của các

\* Tel: 915259889, Email: thytrangkt@yahoo.com

KCN được thể hiện trên ba khía cạnh khác nhau đối với doanh nghiệp trong nước, cả trong và ngoài KCN:

(1) Vai trò của FDI tại các KCN trong việc chuyển giao công nghệ và phương pháp quản lý tiên tiến cho các doanh nghiệp liên kết trong nước;

(2) FDI thúc đẩy việc nâng cao trình độ của nguồn nhân lực trong nước để tiếp nhận và áp dụng hiệu quả các công nghệ sản xuất và kinh nghiệm quản lý;

(3) Vai trò của KCN thúc đẩy mối liên kết ngược giữa các doanh nghiệp FDI với các nhà cung ứng trong nước. Mối liên kết này thường được thể hiện ở hai dạng: nguyên liệu đầu vào tại địa phương và nguồn cung cấp linh kiện, phụ tùng trong nước từ các doanh nghiệp của ngành công nghiệp phụ trợ. Việc hình thành và phát triển mối liên kết ngược này phụ thuộc rất nhiều vào phạm vi và trình độ của các ngành công nghiệp trong nước.

Trên thực tế, tác động lan toả của KCN được thể hiện trên các mặt: tạo sự chuyên biến tích cực trong cơ cấu ngành kinh tế theo định hướng xuất khẩu; hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật và xã hội cho khu vực có KCN; góp phần giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề xã hội, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, hạn chế ô nhiễm và cải thiện môi trường trong quá trình phát triển KCN.

Như vậy việc phát triển bền vững KCN phải được xem xét trên hai mặt:

(1) Mức độ bền vững trong hoạt động của KCN thông qua hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

(2) Tác động lan toả tích cực của KCN đến hoạt động kinh tế, xã hội và môi trường của các doanh nghiệp, ngành, địa phương, khu vực có KCN.

#### HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHU CÔNG NGHIỆP

*Các chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững nội tại khu công nghiệp*

*Chất lượng qui hoạch khu công nghiệp*

Quy hoạch KCN gắn với bảo vệ môi trường là bố trí các lĩnh vực công nghiệp trong không gian và thời gian nhất định nhằm tạo điều

kiện phát triển công nghiệp và bảo vệ môi trường. Đó là quy hoạch bố trí các KCN sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, các nguồn lực khác mà không ảnh hưởng đến môi trường, đảm bảo cân bằng sinh thái, đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại mà không ảnh hưởng đến nhu cầu tương lai. Trong những năm qua chúng ta mới chú trọng chủ yếu vào việc đẩy nhanh phát triển KCN, chưa chú ý đúng mức vừa phát triển được công nghiệp đồng thời gắn với bảo vệ môi trường. Quy hoạch KCN đã xuất phát trên cơ sở quy hoạch tổng thể của cả nước, của vùng của địa phương, đánh giá kết quả điều tra về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương. Quy hoạch phải xác định những lợi thế và hạn chế, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, đo lường được những biến động của thế giới và trong nước, bổ sung hoặc sửa đổi kịp thời những mục tiêu do tình hình đã thay đổi làm cơ sở xác định mục tiêu chiến lược và phương hướng phát triển công nghiệp trong những thời kỳ nhất định. Nội dung quy hoạch đã đề ra các nhiệm vụ phát triển công nghiệp: xác định ngành công nghiệp mũi nhọn, quan trọng hàng đầu phục vụ cho CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Xác định ngành kinh tế có lợi thế về nguồn nguyên liệu, về lao động, về khả năng cạnh tranh trên thị trường... Địa phương xác định chính xác phát triển ngành công nghiệp nào là phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng của địa phương hoặc xác định các ngành trùng lặp giữa các địa phương, tính đến khả năng liên kết giữa các địa phương, dự báo được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng và điều chỉnh quy hoạch theo hướng mở rộng lĩnh vực đầu tư, gắn chặt quy hoạch ngành và quy hoạch địa phương với quy hoạch vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp của KCN.

Chỉ tiêu này nhằm đảm bảo tính chất bền vững ngay từ giai đoạn đầu của quá trình qui hoạch, sử dụng và phát triển KCN. Nó thể hiện ở tính hợp lý, đồng bộ, khoa học, thực tiễn và hiệu quả trong qui hoạch các yếu tố chủ đạo của KCN như xác định các lĩnh vực và ngành thu hút đầu tư, đất đai, các khu chức năng, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, điện, nước, thông tin, viễn thông, dịch vụ,... nhằm đạt

được các mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội.

#### *Vị trí địa lý của khu công nghiệp*

Lợi thế về bố trí địa lý của KCN là tiền đề giúp cho các doanh nghiệp đạt được hiệu quả kinh tế theo vị trí. Các điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, gần các trục đường giao thông, bến cảng, nhà ga, sân bay, sự hấp dẫn về thị trường các yếu tố đầu vào (nguyên vật liệu đầu vào sẵn có, chi phí vận chuyển ít; nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng đảm bảo, công tác đào tạo nguồn nhân lực để cung ứng lao động có kỹ thuật cho các KCN, nguồn cung về lực lượng tại chỗ, nhất là lao động khu vực nông thôn đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong các KCN) và thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa, công tác đền bù và giải phóng mặt bằng KCN... có ảnh hưởng quan trọng đến sự lựa chọn đầu tư của các doanh nghiệp. Tùy thuộc đặc điểm của từng địa phương, khu vực mà tìm được các lợi thế so sánh, lựa chọn được phương án tối ưu về vị trí địa lý để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực sẵn có, giảm thiểu các chi phí trong quá trình sản xuất, phát huy các tiềm năng thế mạnh của mình.

#### *Tổng số vốn đăng ký, vốn đầu tư thực hiện*

Tổng số vốn đăng ký và tỉ lệ vốn đầu tư thực hiện trong tổng số vốn đăng ký của các doanh nghiệp FDI và trong nước vào KCN; vốn đầu tư bình quân của một dự án và vốn đầu tư bình quân trên một ha đất. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất chính sách vận động, thu hút đầu tư, trong đó chú trọng chính sách riêng đối với từng tập đoàn và tăng cường các đoàn vận động đầu tư theo phương thức làm việc trực tiếp với các tập đoàn lớn, tại các địa bàn trọng điểm. Chủ động tiếp cận và hỗ trợ đối với các nhà đầu tư tiềm năng có nhu cầu đầu tư vào địa phương. Ban hành cơ chế ưu đãi cho Doanh nghiệp công nghiệp kỹ thuật cao đầu tư vào Khu công nghệ cao.

#### *Diện tích đất và tỉ lệ lấp đầy KCN*

Hiệu quả kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phụ thuộc rất lớn vào tỷ lệ lấp đầy KCN. Tiêu chí này được xem xét căn cứ vào mục tiêu qui hoạch và điều kiện hoạt động của KCN (vị trí địa lý, yêu cầu của các

ngành công nghiệp, khả năng phát triển và các điều kiện về giao thông vận tải, nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Mức độ sử dụng đất KCN đo bằng tỉ lệ diện tích KCN đã cho các doanh nghiệp thuê so với tổng diện tích KCN.

#### *Trình độ công nghệ và ứng dụng công nghệ trong các doanh nghiệp của KCN*

Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp trong nước trong KCN.

Trình độ công nghệ của ngành, nhóm ngành mà các doanh nghiệp FDI trong KCN tham gia hoạt động (lạc hậu, trung bình, tiên tiến).

Kỹ năng, năng lực sử dụng công nghệ của các doanh nghiệp trong KCN

Thông tin về công nghệ (tài liệu hướng dẫn sử dụng, các bí quyết công nghệ)

Năng lực quản lý điều hành, tổ chức trong hoạt động công nghệ.

Xuất xứ của công nghệ (nằm và nước sản xuất).

Qui mô và tỉ lệ chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) trong doanh thu theo ngành của các các doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp trong nước.

#### *Kết quả và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN*

Các chỉ tiêu cụ thể: tổng doanh thu; tổng giá trị gia tăng; tỷ lệ giá trị gia tăng so với tổng doanh thu; kim ngạch xuất khẩu và tỉ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; thu nhập bình quân tính trên 1 đơn vị lao động, trên 1 đơn vị diện tích, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu...

#### *Phạm vi, qui mô hoạt động, trình độ chuyên môn hoá và khả năng liên kết kinh tế*

Bao gồm các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế theo phạm vi (economies of scope) hay chuyên môn hóa và hiệu quả kinh tế theo qui mô (economies of scale) trong hoạt động của KCN. Tổng doanh thu của KCN và doanh thu một số ngành công nghiệp chủ yếu trong KCN.

Tỉ lệ doanh thu của các ngành công nghiệp chủ yếu có liên quan, mặt hàng chuyên môn hóa trong tổng doanh thu của KCN.

Về mức độ liên kết kinh tế: tỉ lệ số doanh nghiệp có liên kết kinh tế với nhau trong KCN và tỉ lệ số doanh nghiệp có liên kết với bên ngoài trong tổng số doanh nghiệp KCN.

*Khả năng đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư*  
Tiêu chí này phản ánh mức độ hấp dẫn nội bộ của khu công nghiệp đối với các nhà đầu tư và được thể hiện cụ thể bằng các chỉ tiêu: mức độ bảo đảm của hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đáp ứng yêu cầu hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN.

*Các chỉ tiêu đánh giá tác động lan tỏa của khu công nghiệp*

*Tác động lan tỏa về mặt kinh tế*

Tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành, địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đóng góp vào ngân sách địa phương.

Thu nhập bình quân đầu người tính cho toàn khu vực hoặc địa phương, so với mức chung của cả nước;

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương có KCN: tỉ trọng về doanh thu, giá trị gia tăng, vốn sản xuất, lao động tính theo ngành kinh tế, thành phần kinh tế.

Đóng góp của KCN cho ngân sách địa phương: qui mô và tỷ lệ thu ngân sách địa phương từ KCN; số lượng và chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật của địa phương có KCN.

Tác động nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Sự xuất hiện của các doanh nghiệp FDI là một nhân tố thúc đẩy cạnh tranh, có thể buộc doanh nghiệp trong nước rời khỏi thị trường hoặc phải điều chỉnh cơ cấu để thích nghi với môi trường cạnh tranh mới. Nếu biết tận dụng mối liên kết kinh tế với các doanh nghiệp FDI trong trao đổi các hàng hóa trung gian và các yếu tố khác, các doanh nghiệp trong nước hoàn toàn có khả năng vươn ra thị trường xuất khẩu.

Tác động thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ Việt Nam

Mức tăng sản lượng và số việc làm tăng thêm của doanh nghiệp trong nước liên kết với doanh nghiệp FDI.

Mức độ phát tán tri thức và kỹ năng giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

*Tác động lan tỏa về mặt công nghệ*

Mức độ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trong nước trong KCN.

Mức độ đổi mới công nghệ của từng ngành, nhóm ngành sản xuất.

Khả năng tiếp thu và ứng dụng bí quyết công nghệ được chuyển giao của doanh nghiệp.

Năng lực quản lý điều hành, tổ chức trong hoạt động công nghệ.

Tỉ lệ doanh thu từ hoạt động R&D trong tổng doanh thu của các doanh nghiệp KCN.

Tốc độ tăng doanh thu hàng năm từ hoạt động R&D. Thông qua liên kết kinh tế với các doanh nghiệp FDI, các doanh nghiệp trong nước thực hiện việc đổi mới và tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến.

*Tác động lan tỏa về mặt xã hội*

Chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng xã hội của KCN được tập trung vào các chỉ tiêu về khả năng giải quyết việc làm của KCN cho lao động địa phương:

Sử dụng lao động địa phương: quy mô và tỷ lệ lao động địa phương so với tổng số lao động làm việc trong KCN.

Số người tham gia cung cấp dịch vụ cho KCN trong tổng số lao động địa phương.

Ảnh hưởng của KCN đến sự chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương.

Mức độ tham gia vào đào tạo nghề và tiếp nhận lao động, trong đó, đối với lao động địa phương và lao động từ nơi khác đến.

Thực hiện các qui tắc sử dụng lao động của quốc gia và quốc tế .

Việc phát triển vốn con người (trình độ, năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ ứng xử, khả năng hợp tác và làm việc theo nhóm,...)

*Tác động lan tỏa về mặt bảo vệ môi trường*

Mức độ khai thác hợp lý và tiết kiệm các nguồn tài nguyên;

Mức độ giải quyết vấn đề ô nhiễm KCN (hệ thống xử lý chất thải tập trung), đặc biệt các KCN gần khu dân cư.

Mức độ ứng dụng công nghệ sạch và công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường.

Có Báo cáo môi trường của các doanh nghiệp trong KCN.

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi có điều kiện kinh tế- xã hội còn nhiều khó khăn. Với 70% diện tích đất nông nghiệp, năng suất

không ổn định rất phù hợp với phát triển các KCN, đây chính là một lợi thế rất lớn để Thái Nguyên chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển công nghiệp. Hiện nay Tỉnh đang tiến hành xây dựng các khu, cụm công nghiệp tập trung. Hiện tại, Thái nguyên đang dành khoảng 10.000ha đất sạch để thu hút đầu tư, trong đó hầu hết là đất công nghiệp. Hệ thống giao thông nội tỉnh và liên vùng của Thái Nguyên khá phong phú với Quốc lộ 3, Quốc lộ 37, Quốc lộ 1B, đường cao tốc nối với Hà Nội, đường sắt, đường sông cơ bản đã và đang hoàn thiện. Thái Nguyên có Nhà máy nhiệt điện cùng hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp công suất lớn; có hồ Núi Cốc cùng hệ thống sông, suối dày đặc là điều kiện cung cấp nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt. [2]

Tỉnh có trữ lượng khoáng sản (quặng sắt, titan, chì, kẽm, than, đá vôi...) lớn, là nguồn nguyên liệu đầu vào lý tưởng cho ngành công nghiệp chế biến. Thái Nguyên còn là tỉnh trọng điểm của cả nước về đào tạo nhân lực với nhiều trường đại học, cao đẳng... Hơn thế nữa, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Thái Nguyên đang có những bước bứt phá mạnh mẽ. Năm 2009 giá trị sản xuất công nghiệp của Thái nguyên đạt gần 4 nghìn tỷ đồng, tăng 18,28% so với năm 2008. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, công nghiệp và xây dựng cơ bản chiếm trên 77%, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 6,03%. Tất cả những điều kiện đó đòi hỏi công tác quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội, nhất là quy hoạch các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) phải thực sự phù hợp, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh địa phương.

Trong quy hoạch định hướng phát triển KCN, CCN tập trung đến năm 2020 cho thấy, ngoài quỹ đất sạch, còn tính tới vùng đệm cho KCN. Tức là dành ra một quỹ đất liền kề KCN, bình thường vẫn có thể canh tác nông nghiệp, nhưng khi cần đến sẵn sàng thu hồi để mở rộng KCN. Trong các KCN tập trung có bố trí lựa chọn xây dựng một KCN điểm, đạt các tiêu chuẩn quốc gia, có thể thu hút được các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia tới đầu tư vào những lĩnh vực công nghiệp quan trọng để tạo vị thế cho tỉnh. Cùng với đó, tiếp tục mở rộng diện tích, đầu

tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, tăng tỷ lệ lấp đầy dự án trong các KCN đã quy hoạch và xây dựng. Đối với từng KCN, tỉnh cũng đã có quy hoạch cụ thể trên cơ sở quy hoạch chung toàn tỉnh và toàn ngành công nghiệp. Cùng với đó, tại mỗi một địa phương, tỉnh cũng đã chọn những vị trí thuận lợi để quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tiêu biểu, tạo môi trường thu hút đầu tư.

KCN Sông Công hiện đang tập trung xây dựng mới với diện tích gần 100 ha, vốn đầu tư hơn 100 tỷ đồng, do Công ty Phát triển hạ tầng các KCN tỉnh Thái Nguyên - Ban quản lý các KCN Thái Nguyên làm chủ đầu tư. Trong kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Thái Nguyên, KCN Sông Công là một trong những công trình trọng điểm, là “bàn đạp” để tiếp tục triển khai các KCN khác ở trong tỉnh. Tại KCN Sông Công hiện có 33 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 2.000 tỷ đồng. Trong 33 dự án nêu trên có 22 dự án đã đi vào hoạt động với tổng vốn gần 1.300 tỷ đồng, doanh số đạt 2.400 tỷ đồng, nộp ngân sách Nhà nước 24 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 5.200 lao động với mức lương từ hơn một triệu đến ba triệu đồng/người/tháng. [3]

Ngoài KCN Sông Công, Thái Nguyên đã và đang chú trọng phát triển nhiều KCN tạo thành “chuỗi” liên hợp công nghiệp bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể: Huyện Võ Nhai có KCN La Hiên (200ha), nằm sát quốc lộ 1B; Phổ Yên xây dựng thêm KCN Bãi Bông (200ha), nằm gần đường sắt, tuyến Quốc lộ 3 và đường cao tốc Hà Nội-Thái Nguyên; Thành phố Thái Nguyên có KCN phía Tây (200ha) là KCN sạch và công nghệ cao; Thị xã Sông Công xây dựng thêm KCN nhỏ Khuynh Thạch (20ha); Huyện Phú Lương hình thành 3 KCN nhỏ là: Sơn Cẩm, Phần Mễ và Động Đạt nằm sát Quốc lộ 3; Huyện Định Hoá với 4 KCN nhỏ: Trung Hội, Kim Sơn, Tân Thịnh và Bảo Cường; Huyện Phú Bình với KCN Diềm Thuy, KCN nhỏ Kha Sơn và Úc Sơn, thu hút 30 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 2.000 tỷ đồng, trong đó có ba dự án đầu tư nước ngoài. ... Các KCN này đều được quy hoạch và định hướng phát triển trên

ơ sở khai thác và phát huy tối đa tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, có tính đến khả năng phát triển nhiều năm sau đó.

Tuy có những thành công bước đầu nêu trên, nhưng nhìn tổng thể quá trình hình thành, phát triển các KCN, CCN tập trung của tỉnh Thái Nguyên còn chậm và nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Việc phát triển các KCN thời gian qua còn tiềm ẩn không ít các yếu tố thiếu bền vững.

#### *Về công tác quy hoạch KCN*

Hầu hết các KCN đều nằm ở các vị trí có nhiều lợi thế về mặt vị trí địa lý: gần trung tâm thành phố Thái Nguyên, sân bay quốc tế Nội Bài, gần cảng sông Đa Phúc, ga đường sắt, liền kề với trục quốc lộ 3.... Đây là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tại đây trong việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, nhất là các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu. Tuy nhiên, theo thống kê sơ bộ, diện tích đất trồng lúa được chuyển đổi trong các KCN chiếm trên 30% tổng diện tích đất tự nhiên của KCN. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến vấn đề an ninh lương thực của Tỉnh trong dài hạn.

Với quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết KCN, nên quy định rõ tỷ lệ kết cấu hợp lý, theo đó diện tích đất dành cho kinh doanh khoảng 60%, đất dành cho công trình bảo vệ môi trường, giao thông nội bộ khoảng 33% (trong đó có đất trồng cây xanh khoảng 10%), đất dành cho phát triển các công trình vui chơi, giải trí, nhà ở 7%. Khi có luật, có nghị định của Chính phủ, các bộ, ngành liên quan nên kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn để thực hiện. Có một thực tế: Nghị định 29/2008/NĐ-CP quy định về KCN, KCX và KKT có hiệu lực từ tháng 4-2008, nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn của một số bộ, ngành vẫn chưa có. Xuất phát từ thực tế trên cần điều chỉnh bổ sung các KCN tỉnh Thái Nguyên:

Điều chỉnh KCN Sông Công I từ 320ha xuống chỉ còn 192ha với lý do: KCN Sông Công I là đất đô thị có 1/3 nằm ở trung tâm thị xã do đó chi phí đền bù giải phóng mặt bằng quá lớn 3-4 tỷ/ha, quá phức tạp khi phải di dân, lo khu tái định cư, xử lý ô nhiễm môi trường ...

Đề nghị bổ sung vào danh mục các KCN Việt Nam trong quyết định số 1107/2006/QĐ-TTg

20

ngày 21/8/2006: KCN Nam Phổ Yên: quy mô diện tích khoảng 300ha, bao gồm (Khu A, B, C, D) và đã có 04 chủ đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng đăng ký; KCN Tây Phổ Yên: thuộc xã Minh Đức với diện tích 490ha do Công ty cổ phần Xuân Kiên VINAXUKI làm chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN; Khu công nghiệp Đầm Thuy-Phú Bình: qui mô 300ha, bao gồm Khu A, B do Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương làm chủ đầu tư.[4]

#### *Tỷ lệ lấp đầy KCN*

Hiệu quả kinh doanh của các nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phụ thuộc rất lớn vào tỷ lệ lấp đầy KCN. Đến tháng 6/2009, tỷ lệ lấp đầy các KCN là khá thấp so với các tỉnh khác. Cụ thể, tỷ lệ lấp đầy các KCN hiện chỉ đạt 42%. Nguyên nhân là do các KCN đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản khá cao, đa số các KCN mới được thành lập trong 3 năm, từ 2007 đến 2009. Nâng cao tỉ lệ lấp đầy các KCN bởi với các KCN đã đi vào hoạt động, tổng diện tích đất đã cho thuê thì mức độ sử dụng đất vào sản xuất công nghiệp chưa cao. Thái Nguyên hiện có nhiều KCN, CCN tại các huyện, thành phố, thị xã và tổ hợp KCN, KCX và Khu đô thị Yên Bình với quy mô 2000ha, đang triển khai sẵn sàng đón tiếp các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng hoặc trực tiếp thuê đất chưa có hạ tầng để thực hiện dự án. Hiện nay, một số nhà đầu tư về kết cấu hạ tầng KCN như: Công ty TNHH Đầu tư và phát hạ tầng Lệ Trạch - Đài Loan, Công ty cổ phần Xuân Kiên VINAXUKI, Công ty cổ phần may xuất khẩu Thái Nguyên, Hợp tác xã Công nghiệp và Vận tải Chiến Công; Công ty cổ phần Đầu tư Châu Á Thái Bình Dương, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Yên Bình.

#### *Việc đầu tư cơ sở hạ tầng KCN*

Tỉnh Thái Nguyên đang tập trung chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ để thu hút các nhà đầu tư đến với Thái Nguyên, nhất là các nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN ... Nhìn một cách tổng thể, quá trình phát triển các KCN

còn chậm, nguyên nhân chính là do kết cấu hạ tầng của Thái Nguyên vừa yếu, vừa không đồng bộ. Nguyên nhân chính là tỉnh chưa có nhà đầu tư mạnh về tiềm lực tài chính đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN, CCN. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông kém, đặc biệt quốc lộ 3 chật hẹp, quá tải. Thêm nữa, Thái Nguyên là tỉnh nghèo cho nên chưa cân đối được ngân sách, chưa tập trung được nguồn lực để đầu tư xây dựng hạ tầng KCN.

Đầu tư hạ tầng các KCN, CCN với Thái Nguyên còn hạn chế. Lâu nay các nhà đầu tư tự bỏ vốn xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp ở Thái Nguyên rất hiếm. Hầu như phụ thuộc vào nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Ví dụ như KCN Sông Công, được Chính phủ quyết định thành lập ngày 1-9-1999, nhưng sau mười năm, hạ tầng của KCN vẫn còn nhiều hạng mục chưa hoàn thiện. Điển hình là hệ thống xử lý nước thải, rác thải tập trung, như sự kiện Nhà máy kẽm điện phân (Công ty TNHH nhà nước một thành viên kim loại màu Thái Nguyên) phải bồi thường gần 100 triệu đồng vì gây ô nhiễm môi trường.

Trên địa bàn Thành phố Thái Nguyên có ba KCN với tổng diện tích hơn 70 ha và chỉ có 11 doanh nghiệp đầu tư vào các KCN của thành phố. Việc thu hút doanh nghiệp vào KCN lâu nay vẫn rất khó. Nguyên nhân cơ bản khiến các doanh nghiệp không "mặn mà" với các KCN của thành phố chính là do kết cấu hạ tầng chưa có hoặc quá kém. Trong khi chưa có đơn vị nào đứng ra đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN, CCN thì nhiều doanh nghiệp đăng ký đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vẫn được chấp thuận. Cụ thể là dự án sản xuất phôi thép nhỏ, cơ khí đúc đồng, luyện than cốc... Điều này dễ hiểu vì trong khi có rất ít doanh nghiệp tìm đến KCN cấp huyện do chưa có kết cấu hạ tầng thì việc lựa chọn nhà đầu tư là điều rất khó khăn. Nếu cứ đợi có kết cấu hạ tầng thì chẳng biết đến khi nào các KCN trên địa bàn cấp huyện mới đi vào hoạt động được. Mặt khác do Thái Nguyên có đặc thù, cứ ở đâu có đồi

rừng là ở đó có nhà dân, nên chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp cao gấp hai lần so với các tỉnh khác, xuất đầu tư trung bình cho một ha đất thường cao gấp hai đến 2,5 lần so với các tỉnh trong khu vực (vì đất lấy làm KCN, CCN phần lớn là đất đô thị). Vì vậy rất cần hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng KCN cho Thái Nguyên. Có cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở cho công nhân, xây dựng các công trình xã hội ngoài hàng rào các KCN, CCN; hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý nước thải, bảo vệ môi trường tại các KCN, CCN từ quỹ bảo vệ môi trường của Nhà nước. Phát triển KCN đồng nghĩa với phải có đường rộng, thuận lợi. Xây dựng hạ tầng các KCN, CCN cùng với xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên (quốc lộ 3 mới), để từ đó thu hút đầu tư phát triển. Đây là chiếc chìa khóa mở ra hy vọng đầy nhanh hơn tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa vùng chiến khu xưa.

*Liên kết phát triển trong nội bộ KCN và với bên ngoài KCN*

Sự liên kết càng cao khi KCN có sự tham gia của các doanh nghiệp lớn có vốn ĐTNN và các doanh nghiệp đến cùng quốc gia. Tiêu biểu cho sự liên kết này ở phía Nam phải kể đến các doanh nghiệp Đài Loan ở KCN Hồ Nai (Đồng Nai); còn ở vùng KTTĐBB là Canon và các doanh nghiệp vệ tinh Nhật Bản trong KCN Thăng Long; Công ty mô tô Yamaha và các doanh nghiệp vệ tinh tại KCN Nội Bài (Hà Nội) và gần đây nhất là sự xuất hiện của tập đoàn điện tử Foxconn của Đài Loan tại các KCN Bắc Ninh và Bắc Giang chắc chắn sẽ tạo ra một sức hút mạnh mẽ các doanh nghiệp nước này đến đầu tư làm doanh nghiệp hỗ trợ cho Foxconn. Các liên kết này giúp các doanh nghiệp trong KCN nâng cao hiệu quả sản xuất thông qua khả năng tiết giảm chi phí vận chuyển, kết hợp được sức mạnh hợp tác của các doanh nghiệp. Ở Thái Nguyên, những mô hình liên kết chưa được quan tâm nhiều. Nguyên nhân là do mục tiêu chủ yếu của Ban Quản lý KCN là thu hút đầu tư càng nhanh càng tốt để nâng cao hiệu quả tài chính nên các doanh nghiệp trong mỗi KCN có thể thuộc nhiều lĩnh vực sản xuất

khác nhau, rất khó tạo liên kết kinh tế hoặc phân công sản xuất giữa các doanh nghiệp trong cùng KCN.

#### *Trình độ công nghệ của doanh nghiệp*

Đóng góp nhiều nhất trong việc thay đổi công nghệ ở các KCN phải kể đến vai trò của các nhà ĐTNN. Các dự án đầu tư FDI vào các KCN chủ yếu có qui mô vốn nhỏ. Các công nghệ này chỉ có thể đánh giá là công nghệ tiên tiến và trung bình chứ chưa phải là công nghệ cao vì với nhiều doanh nghiệp chỉ là sự dịch chuyển công nghệ từ các nước khác, phục vụ cho một số qui trình đơn giản: lắp ráp, sơn tĩnh điện... Nếu xét về qui mô vốn đầu tư có thể thấy các doanh nghiệp trong nước có qui mô vốn không kém nhiều doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, do kiến thức về công nghệ của đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhìn chung còn hạn chế nên công nghệ sản xuất đa phần cũng chỉ ở mức trung bình thấp. Một số doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới nhập khẩu từ Mỹ, EU,... nhưng số lượng còn khá khiêm tốn, chủ yếu là công nghệ chấp vá và công nghệ của Trung Quốc.

#### **CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TĂNG CƯỜNG TÍNH BỀN VỮNG TRONG PHÁT TRIỂN CÁC KCN Ở THÁI NGUYÊN**

##### *Nâng cao chất lượng qui hoạch mạng lưới các khu công nghiệp*

Công tác xây dựng qui hoạch một mặt cần được hoạch định cho những thời kỳ đủ dài để có những dự tính mang tính chất chiến lược. Qui hoạch các KCN phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương của vùng và cả nước, và theo hướng mở rộng lĩnh vực đầu tư, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ gắn quy hoạch ngành và quy hoạch địa phương với quy hoạch vùng. Trong qui hoạch KCN cần chú trọng đến phương án bố trí các ngành công nghiệp, các nhóm sản phẩm chủ yếu, phù hợp với đặc điểm khu dân cư, các nguồn lực và bảo vệ môi trường. Đồng thời theo dõi, đánh giá chặt chẽ việc thực hiện các quan điểm qui hoạch phát triển KCN như: kiểm soát tỷ lệ sử dụng đất công nghiệp trong các KCN, xử lý nghiêm minh các KCN cố tình làm trái các qui định về qui hoạch KCN.

Qui hoạch cần dự tính vị trí đặt KCN đảm bảo tính bền vững. Việc bố trí các KCN gần các đô thị lớn và các khu dân cư tập trung thời gian qua đã thể hiện nhiều điểm bất cập (ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông,...). Do vậy, trong công tác qui hoạch phát triển KCN cần xác định rõ những vị trí đặt KCN không được ảnh hưởng tới hành lang phát triển các đô thị trong tương lai. Các KCN không nên bố trí quá gần các tuyến giao thông huyết mạch và phải đảm bảo không ảnh hưởng tiêu cực tới sự tồn tại bền vững của các nguồn tài nguyên thiên nhiên (nguồn nước, nguồn tài nguyên rừng, cảnh quan thiên nhiên, v.v..)

Nghiên cứu vận dụng các mô hình cụm công nghiệp trong bố trí mạng lưới công nghiệp, nhằm tối ưu hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới cung ứng các dịch vụ đầu vào, sản xuất và phân phối sản phẩm; tạo ra một không gian phân bố công nghiệp hợp lý, kích thích công nghiệp phát triển nhưng vẫn hài hòa được các lợi ích về môi trường.

##### *Tiến hành phân loại các KCN theo mục đích sử dụng, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và xác định qui mô hợp lý cho các loại hình KCN, làm cơ sở cho việc điều chỉnh qui hoạch hệ thống KCN trong cả nước*

Cần qui định về qui mô tối thiểu cho từng loại KCN. Việc phát triển các KCN có qui mô quá lớn hoặc nhỏ sẽ khó đảm bảo tính chất bền vững của chính KCN. Với KCN có diện tích quá lớn sẽ khó lấp đầy, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất; còn KCN quá nhỏ thì việc đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống quản lý môi trường và các dịch vụ đi kèm sẽ gặp nhiều khó khăn và không đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Hoàn thiện mô hình tổ chức KCN theo hướng chuyển từ KCN đa ngành đa lĩnh vực nhằm khai thác lợi thế về tài nguyên, lao động sang KCN sản xuất, chế biến và dịch vụ với trình độ tập trung, chuyên môn hoá cao, gắn kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị của từng ngành công nghiệp. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ KCN theo hướng phát triển các ngành công nghệ sạch. Chuyển từ KCN sản xuất sản phẩm sử dụng nhiều lao động, tài nguyên sang KCN sử dụng nhiều vốn và công nghệ kỹ thuật cao; chuyển từ các ngành sản xuất



gây ô nhiễm môi trường sang các ngành công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng và nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao.

*Thúc đẩy liên kết, phối hợp phát triển các KCN:*  
Thực hiện liên kết kinh tế thông qua liên kết trong nội bộ KCN, liên kết giữa các KCN trong cùng một khu vực, liên kết giữa các doanh nghiệp KCN với các doanh nghiệp ngoài KCN. Các nội dung chủ yếu cần tập trung đẩy mạnh sự phối hợp và liên kết vùng cho phát triển bền vững các KCN là : (i) Trao đổi, cung cấp thông tin giữa các địa phương trong vùng; (ii) Xây dựng và đưa nội dung hợp tác vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của mỗi ngành, mỗi địa phương; (iii) Hình thành và mở rộng các tổ chức hoạt động kinh tế mang tính liên kết nhằm tăng quy mô, tăng khả năng cạnh tranh và chủ động tham gia hội nhập khu vực và quốc tế.

Tăng cường liên kết doanh nghiệp và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ. Chúng ta cần có các chính sách giảm chi phí, tăng phần bù đắp cho việc hình thành các liên kết cho cả các doanh nghiệp có vốn ĐTNN và các công ty địa phương nhằm tạo ra và khuyến khích các liên kết làm tăng hiệu quả của sản xuất và góp phần vào việc phát tán các tri thức và kỹ năng từ các doanh nghiệp có vốn ĐTNN tới các doanh nghiệp địa phương.

*Xây dựng đồng bộ các yếu tố cơ sở hạ tầng về kinh tế, xã hội và môi trường*

Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng các KCN có tác dụng kích thích sự phát triển kinh tế địa phương, góp phần rút ngắn sự chênh lệch phát triển giữa nông thôn và thành thị, và thực hiện công bằng xã hội trong từng giai đoạn phát triển. Cùng với quá trình phát triển KCN, các điều kiện về kỹ thuật hạ tầng trong khu vực sẽ được cải thiện đáng kể, nhu cầu về các dịch vụ gia tăng, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh cho các cơ sở dịch vụ trong vùng.

Cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN nhằm thu hút đầu tư của các doanh nghiệp công nghiệp, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô để tăng năng lực sản xuất và cạnh tranh, tạo điều kiện để các địa

phương giải quyết vấn đề ô nhiễm, bảo vệ môi trường đô thị.

Đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách để hỗ trợ phát triển các công trình hạ tầng kỹ thuật KCN tại các huyện có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào KCN phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đảm bảo sự liên thông giữa các vùng, hình thành các ngành công nghiệp phụ trợ, các công trình hạ tầng xã hội như nhà ở, trường học, bệnh viện, khu giải trí...

*Nâng cao năng lực tiếp thu công nghệ hiện đại của các doanh nghiệp*

Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao và tích hợp công nghệ thông qua các dự án FDI và thông qua trao đổi, thuê chuyên gia, nhằm tạo dựng và khai thác kênh chuyển giao hiệu quả. Các hoạt động nghiên cứu cần hướng đến khai thác và nội địa hóa công nghệ, giải quyết vấn đề nhân rộng công nghệ ngoại nhập.

Hướng đến lựa chọn ứng dụng các công nghệ hoàn chỉnh, công nghệ cao, phổ biến và tiếp cận nhanh công nghệ tiên tiến, hiện đại.

Các doanh nghiệp trong KCN phải xây dựng cho mình một “năng lực hấp thu” đủ mạnh. Thể hiện tập trung ở trình độ phát triển nguồn nhân lực; mức độ trang bị cơ sở vật chất hiện đại được đảm bảo bởi tiềm lực tài chính vững mạnh và năng lực quản lý công nghệ của doanh nghiệp.

*Hoàn thiện các chính sách phòng chống ô nhiễm, bảo vệ môi trường các KCN*

Xây dựng năng lực tự kiểm soát và chủ động bảo vệ môi trường của doanh nghiệp thông qua việc lựa chọn cải tiến, đổi mới về sản phẩm, công nghệ theo hướng cùng lúc đạt cả lợi ích về môi trường và hiệu quả kinh doanh. Kiểm soát ô nhiễm sản xuất: áp dụng kiểm soát theo chuỗi hệ thống và tăng cường sự tham gia của cộng đồng. Chú trọng đến chế độ báo cáo quan trắc môi trường doanh nghiệp.

Kiểm soát môi trường tại doanh nghiệp: xuyên suốt từ nguyên liệu đầu vào, nguồn cung cấp đến quá trình SX và sản phẩm đầu ra.

Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào việc giám sát các hoạt động công nghiệp, các quá trình ra quyết định liên quan tới các dự án gây ô nhiễm. Khuyến khích doanh nghiệp cam

kết với cộng đồng, tăng cường tiếp xúc, trao đổi thông tin về những hoạt động SX của mình.

Khuyến khích phát triển các công nghệ sản xuất sạch, bảo vệ môi trường từ ngay trong quá trình sản xuất, nhấn mạnh đến tiết kiệm và giảm chi phí, trên cơ sở đó giảm chất thải. Điểm mấu chốt trong cách tiếp cận sản xuất sạch ở Việt Nam là chọn bước đi phù hợp, hướng đến áp dụng trên diện rộng. [5]

#### *Cải thiện môi trường đầu tư trong các KCN*

Trước hết cần hoàn thiện môi trường pháp lý và đơn giản hoá các thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ chế “một cửa tại chỗ” và coi đây là công cụ quan trọng tạo lập môi trường hành chính thuận lợi trong KCN. Tạo điều kiện giảm thiểu chi phí kinh doanh cho các nhà đầu tư vào KCN thông qua các chính sách trực tiếp và gián tiếp như: giảm chi phí sử dụng các dịch vụ công cộng, chi phí bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thu chi phí theo mức độ hoạt động thực tế (tỷ lệ lấp đầy KCN, doanh thu, kim ngạch xuất khẩu,...).

Hoạt động xúc tiến đầu tư cần có sự tập trung với sự tham gia và hỗ trợ của các cơ quan nhà nước thông qua việc thiết lập các kênh thông tin tập trung như: website, các chiến dịch xúc tiến đầu tư, các đoàn vận động đầu tư và liên kết chặt chẽ với các tổ chức, nhà đầu tư quốc tế. Hoạt động này cần có sự chỉ đạo tập trung bởi một cơ quan chuyên trách, được sử dụng ngân sách nhà nước để tiến hành hoạt động. Ngoài ra, việc tăng cường tham gia vào hiệp hội các KCN của khu vực và thế giới cũng sẽ góp thêm cơ hội quảng bá cho các KCN.

Trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay, các nước trong khu vực đang triển khai mạnh mẽ các biện pháp thúc đẩy thu hút các nguồn vốn đầu tư như: Tạm hoãn áp dụng việc tăng mức lương tối thiểu, áp dụng thuế suất ưu đãi theo lĩnh vực, khu vực dưới dạng luật có giới hạn về thời gian. Do vậy, theo tác giả, bên cạnh việc thực hiện các gói kích cầu đầu tư bằng hỗ trợ lãi suất, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn nộp thuế VAT,... chúng ta cũng có thể thúc đẩy thu hút đầu tư bằng cách ưu đãi có thời hạn cho các doanh nghiệp khi đầu tư vào các KCN.